

Bản án số: 56/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 03 - 04 - 2025
V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu

Bà Hoàng Thị Thoan

- Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm ly hôn thụ lý số 85/2024/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh [Nguyễn Văn S](#), sinh năm 1991

Địa chỉ: [Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị [Trương Thị Linh G](#), sinh năm 1993

Địa chỉ trước lúc xuất cảnh: [Tổ D, khu phố D, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#); hiện trú tại: 460 -0012 [A, N, N – K](#), Chiyoda 2 – 2- 21 (2 chome 2 – 21), Nhật Bản; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, Bản tự khai anh [Nguyễn Văn S](#) (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Nguyên đơn và chị [Trương Thị Linh G](#) (viết tắt là bị đơn) yêu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#) vào ngày 12 tháng 9 năm 2016. Sau khi kết hôn anh chị sống phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không phù hợp quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau; năm 2019 bị đơn đi lao động

tại Nhật Bản, thời gian đầu còn gọi điện về thăm gia đình; từ năm 2020 cho đến nay bị đơn chặn liên lạc, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn xin được ly hôn bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng nguyên đơn có 01 con chung [Nguyễn Bảo An N1](#), sinh ngày 07/02/2017; hiện đang sống với nguyên đơn, sau khi ly hôn nguyên đơn xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng nguyên đơn không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn thông qua [Đ](#) tại Nhật Bản và gửi trực tiếp theo địa chỉ của bị đơn; thực hiện việc đăng thông báo và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn qua người thân. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện việc đăng tin trên kênh đối ngoại VoV5 [Đ1](#) và trên Cổng thông tin điện tử của hệ thống Tòa án nhưng không có kết quả trả lời của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử cho nguyên đơn được ly hôn bị đơn; về con chung: Giao nguyên đơn nuôi con chung [Nguyễn Bảo An N1](#), sinh ngày 07/02/2017; chấp nhận việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con chung; tài sản chung và nợ, không có nên không xem xét. Buộc nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm ly hôn và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn làm đơn xin ly hôn bị đơn có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại [thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#), hiện đang cư trú, lao động tại nước ngoài. Tại Công văn số 1908/CV - QLXNC ngày 10/7/2024 của [Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q](#) thì bị đơn đã xuất nhập cảnh lần gần nhất vào ngày 29/5/2019 đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam; căn cứ khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến

phiên tòa lần 2; căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn thông qua [Đ](#) tại Nhật Bản và gửi trực tiếp theo địa chỉ của bị đơn; thực hiện việc đăng thông báo và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn qua người thân và nơi cư trú cuối cùng trước khi bị đơn xuất cảnh. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện việc đăng tin trên kênh đối ngoại VoV5 [Đ1](#) và trên Cổng thông tin điện tử của hệ thống Tòa án nhưng không có kết quả trả lời của bị đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 474 và điểm b khoản 5 Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[4] Nguyên đơn và bị đơn yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#) vào ngày 12 tháng 9 năm 2016, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống phúc được gần 3 năm thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, năm 2019 bị đơn xuất cảnh du học tại Nhật Bản vợ chồng sống ly thân, từ năm 2020 cho đến nay vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử thấy anh chị không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử cho nguyên đơn được ly hôn bị đơn.

[5] Quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn thừa nhận vợ chồng có 01 con chung [Nguyễn Bảo An N1](#), sinh ngày 07/02/2017; hiện đang sống với nguyên đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi.

[6] Hội đồng xét xử thấy bị đơn đang ở nước ngoài không có điều kiện nuôi con, mặt khác từ năm 2019 cho đến nay cháu [N1](#) ở với nguyên đơn nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng như nguyện vọng của cháu [N1](#) để giao cho nguyên đơn tiếp tục nuôi cháu [N1](#) và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn góp tiền nuôi con chung.

[7] Nguyên đơn thừa nhận không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 2.250.000 đồng chi phí tố tụng.

[9] Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, khoản 1 Điều 273, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Xử cho anh [Nguyễn Văn S](#) được ly hôn chị [Trương Thị Linh G](#).
2. Giao anh [Nguyễn Văn S](#) được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung [Nguyễn Bảo An N1](#), sinh ngày 07/02/2017.
3. Chấp nhận sự tự nguyện của anh [Nguyễn Văn S](#) về việc không yêu cầu chị [Trương Thị Linh G](#) đóng góp tiền nuôi con chung.
4. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét
5. Anh [Nguyễn Văn S](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004914 ngày 27/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; anh [S](#) đã nộp đủ án phí vụ kiện.
6. Anh [Nguyễn Văn S](#) phải chịu 2.250.000 đồng chi phí tố tụng (Anh [S](#) đã nộp đủ).

Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh [Nguyễn Văn S](#) biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Chị [Trương Thị Linh G](#) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- UBND phường Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

